

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22/2020/DS-ST**

Ngày: 16/7/2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng.

2. Ông Phan Công Chiến.

Thư ký phiên tòa: ông Mai Chiến Trục - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2020/QĐXX-ST ngày 09 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc.

Trụ sở: Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, thành phố H

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Hoàng C, sinh năm 1979 – Giám đốc chi nhánh B.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đặng Minh T, sinh năm 1971 (có mặt)

Trú tại: Đại lộ Đ, phường P, thành phố B, tỉnh T.

Bị đơn Bà Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2020, bản tự khai, lời khai tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần S ông Đặng Minh T trình bày:

Ngày 21/5/2018 bà Nguyễn Thị Ngọc Th có vay của Ngân hàng S -chi nhánh B số tiền là 20.000.000đồng, hai bên có ký kết hợp đồng vay số LD 1814100100. Theo nội dung giấy đăng ký vay tiền trả góp, các bên thỏa thuận như sau:

Số tiền bà Th vay của Ngân hàng là 20.000.000đồng

Lãi suất 18%/1năm, tính là 1.5%/1 tháng.

Thời gian vay là 24 tháng (21/5/2018 đến 21/5/2020)

Mục đích vay tiêu dùng trả góp, trả vốn lãi hàng tháng.

Hình thức bảo đảm nợ vay tín chấp.

Bà Th trả theo hợp đồng, thời hạn trả bắt đầu vào ngày 20/6/2018 đến ngày 20/6/2020 bà Th trả được 18 kỳ thì ngừng trả, số tiền đã trả là 19.261.000đồng, (vốn đã trả 14.861.000 đồng, lãi đã trả 5.100.000đồng). Số tiền bà Th còn nợ phải trả theo hợp đồng cụ thể như sau:

Vốn gốc là 5.139.000đồng

Lãi trong hạn 2.690.000đồng và lãi quá hạn là 84.000đồng.

Lãi suất quá hạn được tính là 50%/1năm, tính theo tháng 2.25%/1tháng, tạm tính đến ngày 16/7/2020 số tiền là 7.913.000 đồng. Từ ngày 20.10.2019 bà Thvi phạm nghĩa vụ trả nợ vốn gốc và lãi suất hàng tháng, số ngày vi phạm là 239 ngày.

Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc Th phải tiếp tục trả cho ngân hàng số tiền 7.913.000 đồng, trong đó vốn gốc là 5.139.000đồng, lãi suất trong hạn và quá hạn tạm tính đến ngày 16/7/2020 số tiền là 2.774.000đồng. Tổng số tiền Ngân hàng yêu cầu bà Th phải trả là 7.913.000đồng và yêu cầu tiếp tục trả lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Hợp đồng vay tín dụng giữa Ngân hàng và bà Th là giao dịch cá nhân bà Th với Ngân hàng nên Ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân bà Th thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay theo hợp đồng. Ngoài ra Ngân hàng không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Th vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Theo nội dung đơn khởi kiện, vào khoảng thời gian năm 2018 Ngân hàng TMCP S- chi nhánh B (gọi tắt là Ngân hàng) và bà Nguyễn Thị Ngọc Th có giao kết với nhau hợp đồng vay tín dụng. Theo hợp đồng vay bà Th có vay của Ngân hàng số tiền 20.000.000đồng, đã trả được số tiền là 19.261.000đồng trong đó có vốn gốc và lãi phát sinh hàng tháng, số tiền còn nợ vốn vay là 5.139.000đồng. Đến kỳ trả nợ lần thứ 19 vào ngày 20/6/2019 bà Th không thực hiện đúng thỏa thuận là có nghĩa vụ hoàn lại cho ngân hàng số tiền trên theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, do bà Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu bà Th phải tiếp tục trả số tiền còn nợ, yêu cầu của Ngân hàng là tranh chấp hợp đồng vay, được xem xét theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về tố tụng:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Thắm.

[3] *Nội dung tranh chấp:* Theo lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa, theo hợp đồng tín dụng số LD 1814100100 đã ký kết giữa Ngân hàng và bà Nguyễn Thị Ngọc Th ngày 21/5/2018, bà Th trả được theo hợp đồng 18 kỳ, số tiền đã trả bao gồm cả vốn và lãi suất là 19.261.000đồng, dư nợ còn lại là 5.139.000đồng Ngân hàng yêu cầu bà Th phải có số tiền dư nợ gốc và lãi suất theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết.

[4] *Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc Th trả số tiền nợ vay.* Chứng cứ Ngân hàng yêu cầu bà Th trả số tiền trên là hợp đồng tín

dụng số LD 1814100100 đã được Ngân hàng và bà Th ký kết với nhau vào ngày 21/5/2018.

Xét về hình thức, hợp đồng tín dụng số LD 1814100100 ngày 21/5/2018 do Ngân hàng cung cấp và theo lời khai của nguyên đơn thì hợp đồng này do cán bộ tín dụng đại diện Ngân hàng xác lập với bà Th vào thời điểm vay tại Ngân hàng. Hội đồng xét thấy, về hình thức giao dịch của của hai bên là phù hợp với quy định tại Điều 119 Bộ luật dân sự 2015.

Xét về nội dung, căn cứ hợp đồng số LD 1814100100 do Ngân hàng cung cấp thể hiện bà Th có vay tiền tại Ngân hàng S -chi nhánh B số tiền vay 20.000.000đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 24 tháng với mức lãi suất là 1.5/1năm, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định giao dịch giữa Ngân hàng và bà Th là có thật, nội dung hai bên giao kết không trái với quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự 2015.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ do Ngân hàng cung cấp nhưng bà Nguyễn Thị Ngọc Th không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng cũng như không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có cơ sở chấp nhận lời khai và hợp đồng tín dụng số LD 1814100100 mà Ngân hàng cung cấp là chứng cứ chứng minh cho yêu cầu hợp pháp của Ngân hàng.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà Nguyễn Thị Ngọc Th còn nợ số tiền vốn gốc 5.139.000đồng theo hợp đồng tín dụng số LD 1814100100 ngày 21/5/2018 thì phải có nghĩa vụ thanh toán nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với phần lãi suất Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính theo hợp đồng mà hai bên đã giao kết, lãi suất tạm tính đến ngày 16/7/2020 số tiền yêu cầu là 2.774.000đồng lãi suất đã số tiền được các bên thỏa thuận giao kết trong hợp đồng do đó yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 468 luật dân sự 2015 nên được chấp nhận.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Th vắng mặt tại phiên tòa nên không thể đối chất với lời trình bày của phía Ngân hàng, bà Th phải chịu mọi hậu quả pháp lý của việc vắng mặt.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Ngọc Th phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 117, 119, Điều 463, 465, 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc Th có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng S số tiền 7.913.000 đồng (*bảy triệu chín trăm mười ba ngàn đồng*). Trong đó số tiền vốn gốc là 5.139.000, lãi suất tính đến ngày 16/7/2020 là 2.774.000 đồng.

Kể từ ngày 17/6/2020 bà Nguyễn Thị Ngọc Th phải tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng LD 1814100100 ngày 21/5/2018 tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong khoản tiền nợ gốc.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc Th phải nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*)

Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng thương mại cổ phần S theo các biên lai 0008929 ngày 16/3/2020 số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Lan